TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49 /2021/DS-PT
Ngày 25/11/2021
"*V/v tranh chấp hợp đồng hợp tác*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thông;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tài Sử;
Ông Nguyễn Anh Ưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy – là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2021/TL-DSPT ngày 01 tháng 11 năm 2021 về *"Tranh chấp hợp đồng hợp tác"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2021/DS-ST ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện K' Rông Nô, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 53/2021/QĐ-PT ngày 08tháng 11 năm 2020. Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T; Địa chỉ: Thôn 01, xã Đ, huyện T1, tỉnh Bình Thuận - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T - là Luật sư của Công ty luật TNHH Sài Gòn.20, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đăk Nông. Địa chỉ: Đường Quang Trung, tổ 2, phường N, Tp G, tỉnh Đăk Nông - Có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị H; địa chỉ: Thôn N, xã N1, huyện K, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn*: Ông Trần Anh L – Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Trần Anh L – Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã N1, huyện K, tỉnh Đăk Nông.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 31/8/2019, ông T có góp cho bà Trần Thị H số tiền 300.000.000 đồng để cùng hợp tác làm ăn với bà Trần Thị H, ông Trần Anh L.

Khi nhận tiền thì bà H là người nhận tiền, việc ông T góp vốn với bà H, ông L thì được lập thành văn bản bằng giấy viết tay, có nội dung: Ngày 31/8/2019 bà Trần Thị H có nhận của ông Nguyễn Văn T số tiền 300.000.000 đồng để mua mủ sản xuất 10 tấn thành phẩm. Khi xuất hàng Lợi nhuận ông T được nhận là 500.000 đồng/tấn thành phẩm. Thỏa thuận giữa hai bên sẽ được dừng nếu được báo trước 01 tuần hoặc có thỏa thuận khác thì hai bên sẽ ngồi lại bàn bạc với nhau.

Ngày 02/11/2019, bà H đã thanh toán cho ông T được 100.000.000 đồng tiền gốc góp vốn, còn lại 200.000.000 đồng bà H thỏa thuận đến ngày 04/11/2019 sẽ thanh toán đầy đủ cho ông T.

Từ khi góp vốn bà H đã thanh toán tiền lợi nhuận cho ông T được 96.000.000 đồng, thanh toán hai lần, cụ thể: lần 1 tính từ ngày 31/8/2019 đến ngày 02/11/2019 và lần 2 từ ngày 03/11/2019 đến ngày 04/1/2020.

Do bà H vi phạm thỏa thuận giữa các bên nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chấm dứt hợp đồng góp vốn ngày 31/8/2019 giữa ông Nguyễn Văn T với bà Trần Thị H; Buộc bà H phải trả cho ông T 200.000.000 đồng tiền gốc và tiền ợi nhuận tính từ ngày 05/01/2020 đến ngày 20/9/2021 là 82 tuần x 3.733.000 đồng/tuần = 306.106.000 đồng.

Người được bị đơn ủy đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Anh L trình bày:

Ông L thừa nhận vào ngày 31/8/2019 bà Trần Thị H có nhận của ông Nguyễn Văn T số tiền 300.000.000 đồng góp vốn để cùng hợp tác làm ăn với vợ chồng bà H. Đến ngày 02/11/2019 ông L, bà H đã thanh toán cho ông T 100.000.000 đồng tiền gốc. Từ ngày góp vốn đến ngày 04/01/2020 ông L, bà H đã thanh toán cho ông T được 96.797.000 đồng tiền L nhuận. Lý do vợ chồng ông L không thanh toán được

tiền lãi cho ông T là giá mủ cao su trên thị trường giảm, làm ăn thua lỗ.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chấm dứt hợp đồng góp vốn ngày 31/8/2019 giữa ông Nguyễn Văn T với bà Trần Thị H; Buộc bà H phải trả cho ông T 200.000.000 đồng tiền gốc thì ông L chấp nhận. Đối với khoản tiền lợi nhuận tính từ ngày 05/01/2020 đến ngày 20/9/2021 là 82 tuần x 3.733.000 đồng/tuần = 306.106.000 đồng thì ông không chấp nhận.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2021/DS-ST ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

1.1. Chấm dứt hợp đồng hợp tác giữa ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị H

1.2. Buộc bà Trần Thị H phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn T số tiền 200.000.000 đồng.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với yêu cầu buộc bà Trần Thị H phải thanh toán tiền lợi nhuận từ việc góp vốn tính từ ngày 05/01/2020 đến nay ngày 20/9/2021 với số tiền là 3.733.000 đồng/tuần. Số tiền lợi nhuận được tính cụ thể là: 82 tuần x 3.733.000 đồng = 306.106.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/10/2021, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T làm đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Ngày 06/10/2021,Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô ban hành Quyết định kháng nghị số 682/2021/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy toàn bộ bản án số 47/2021/DS-ST ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Krông Nô giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không chấp nhận yêu cầu tính tiền lợi nhuận đối với số tiền 306.106.000 đồng của nguyên đơn, đề nghị Tòa án xem xét lại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng nguyện vọng của ông xin được thay đổi nội dung đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Việc ông T góp vốn cho bà H là với tư cách cá nhân, không có hợp đồng góp vốn giữa Công ty với ông T và không nhập tiền vào sổ sách kế toán của Công ty. Do

đó, Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô là không có căn cứ.

Số tiền 300.000.000 đồng ông T góp vốn với bà H thì ông L chồng bà H biết và xác định số tiền còn lại 200.000.000 đồng là khoản nợ chung. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc ông L và bà H phải có trách nhiệm trả cho ông T số tiền 200.000.000 đồng góp vốn.

Đối với số tiền L nhuận bà H đã thanh toán cho ông T tính theo tuần từ ngày 31/8/2019 đến ngày 04/1/2020 với tổng số tiền là 96.797.000 đồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T đối với số tiền lợi nhuận là 306.106.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông rút toàn bộ quyết định kháng nghị số 682/2021/QĐKNPT-VKS-DS ngày 06/10/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô. Bởi vì số tiền 300.000.000 đồng ông T góp vốn cho bà H là với tư cách cá nhân, không liên quan đến Công ty TNHH MTV Long Vũ, nên không phải đưa Công ty Long Vũ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Mặt khác, trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm đã thu thập Điều lệ tổ thức và hoạt động của Công ty Long Vũ, lấy lời khai chị Phan Thị Kim A là kế toán của Công ty xác định số tiền ông T góp vốn không được nhập quỹ của Công ty. Việc chị A trả tiền cho ông T là do bà H nhờ chị Anh trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Toà án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm số: 47/2021/DS-ST ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo hướng buộc ông Trần Anh L và bà Trần Thị H phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T 200.000.000 đồng tiền vốn góp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T làm trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là đúng pháp luật.

[1.1]. Ngày 17/11/2021, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[1.2]. Đối với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng ông T xin được thay đổi nội dung đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại. Xét thấy, tại phiên tòa ông T vắng mặt, nên lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không phù hợp theo quy định tại Điều 298 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên không có căn cứ chấp nhận.

[1.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông rút toàn bộ quyết định kháng nghị số 682/2021/QĐKNPT-VKS-DS ngày 06/10/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô. Xét thấy, việc rút quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông.

[2]. Về nội dung: Ngày 31/8/2019, bà Trần Thị H có nhận của ông Nguyễn Văn T số tiền 300.000.000 đồng để mua mủ sản xuất 10 tấn thành phẩm. Khi xuất hàng lợi nhuận ông T được nhận là 500.000đ/tấn thành phẩm. Có lập giấy nhận tiền do bà H ký nhận (BL 27a). Quá trình thực hiện bà H đã thanh toán cho ông T số tiền lợi nhuận tính đến ngày 14/01/2020 là 96.797.000 đồng. Ngày 02/11/2019, ông T xin rút vốn, đã được bà H trả trước 100.000.000 đồng, còn lại 200.000.000 đồng hẹn đến ngày 04/11/2019 trả đủ. Tuy nhiên, đến nay bà H vẫn chưa trả cho ông T số tiền này là vi phạm nội dung các bên đã thỏa thuận. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu bà H phải trả lại số tiền 200.000 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ông L xác định việc bà H nhận tiền của ông T thì ông cũng được bà H báo cho biết, đây là khoản tiền nợ chung vợ chồng sử dụng vào mục đích mua mủ cao su sản xuất, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc bà H phải trả cho ông T số tiền này là chưa phù hợp, nên cần phải sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông L, bà H phải có trách nhiệm trả cho ông T số tiền 200.000.000 đồng là phù hợp.

[2.2]. Đối với yêu cầu của ông T buộc bà H phải thanh toán cho ông khoản tiền lợi nhuận từ việc góp vốn tính từ ngày 05/01/2020 là 82 tuần x 3.733.000 đồng = 306.106.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, ngày 02/11/2019, ông T đã xin rút vốn từ bà H và được bà H chấp nhận. Bà H đã trả cho ông T 100.000.000 đồng, còn lại 200.000.000 đồng hẹn đến ngày 04/11/2019 sẽ trả, việc hẹn trả nợ được ông T chấp nhận. Tuy nhiên, đến hạn trả tiền bà H không trả cho ông T là vi phạm nội

dung các bên đã thỏa thuận. Như vậy, việc góp vốn giữa ông T, bà H đã được chấm dứt kể từ ngày 02/11/2019. Do đó, ông T yêu cầu bà H phải thanh toán số tiền lợi nhuận tính từ ngày 05/11/2019 đến nay với số tiền là 306.106.000 đồng là không có căn cứ, cấp sơ thẩm không chấp nhận là phù hợp, vì vậy, kháng cáo của ông T là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của ông T yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận tính tiền lợi nhuận đối với số tiền 306.106.000 đồng là không có căn cứ. Chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông và một phần quan điểm đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đối với nội dung buộc ông L và bà H phải có trách nhiệm trả cho ông T số tiền 200.000.000 đồng. Sửa bản án sơ thẩm số: 47/2021/DS-ST ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo hướng như đã phân tích ở trên.

[4]. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T là người cao tuổi, nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, điểm b khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 504, Điều 505, Điều 510 và Điều 512 của Bộ luật dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa bản sơ thẩm số: 47/2021/DS-ST ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T. Buộc bà Trần Thị H và ông Trần Anh L phải trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền 200.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại điều 357 và khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc buộc bà Trần Thị H phải thanh toán tiền lợi nhuận tính từ ngày 05/01/2020 đến ngày 20/9/2021 với số tiền 306.106.000 đồng.

4. Về án phí: Buộc bà Trần Thị H và ông Trần Anh L phải chịu 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn T được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện K'Rông Nô;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thông

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện Cư Jút;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thông